

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2018/HS-ST

Ngày: 23 - 11 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quang.

Ông Đào Văn Rạng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 56/2018/TLST- HS ngày 01 tháng 11 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân L - Sinh năm: 1981, tại tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 6, Thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Thành L (tên gọi khác: Nguyễn Văn L), sinh năm 1956 và bà Trịnh Thị T, sinh năm 1958, cả hai hiện làm ruộng tại thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định; có vợ là Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1982, hiện đang lao động tại Đài Loan; có 01 con, sinh năm 2000.

Tiền án:

- Ngày 28/8/2014, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định xử phạt 7 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”;

- Ngày 06/5/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông xử phạt 01 năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản”.

Tiền sự: Không.

Bị cáo Nguyễn Xuân L bị bắt tạm giam từ ngày 11/9/2018 tại Nhà tạm giữ Công an huyện N cho đến nay; có mặt.

* *Người bị hại*: Anh Phạm Ngọc K, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ dân phố 6, thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

* *Người làm chứng*: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ dân phố 8, thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 23 giờ ngày 12/8/2018, do bị mất điện nên Nguyễn Xuân L đi bộ hóng gió, khi đi qua nhà anh Phạm Ngọc K ở tổ dân phố 6, thị trấn R, huyện N thấy cổng nhà anh K không khóa, chỉ cài then, lối ra vào phòng khách không lắp cửa nên L nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. L mở then cổng nhà anh K đi vào sân, đến lối ra vào thấy có 01 tấm gỗ cao khoảng 40 cm chắn ngang, L bước qua tấm gỗ, đi vào bên trong thấy có người đang ngủ trong phòng khách. L tiếp tục đi vào buồng ngủ, thấy có 01 chiếc tủ đặt ngay cạnh lối ra vào buồng ngủ, L sờ tay lên mặt tủ thì thấy 02 chiếc điện thoại di động, L lấy 02 chiếc điện thoại di động nói trên bỏ vào túi quần rồi đi bộ về nhà. Khi về đến nhà, L mang 02 chiếc điện thoại vừa trộm cắp được ra để kiểm tra, thấy 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia Lumia 630, vỏ màu đen, bị vỡ một góc phía trên bên phải màn hình, có lắp 01 sim số thuê bao là 01678.236.118, đã qua sử dụng không lên nguồn và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7, vỏ màu vàng, vỏ mặt sau của chiếc điện thoại có in số: “2016”, có lắp 01 sim số thuê bao là 01679.283.856, điện thoại có khóa màn hình bằng mẫu hình, đã qua sử dụng. L tháo 02 sim của 02 chiếc điện thoại di động ra. Vì nghĩ chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia Lumia 630 đã hỏng nên L đã ném chiếc điện thoại cùng 02 sim điện thoại xuống sông ở gần nhà. Đến sáng ngày 13/8/2018, L bán chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 cho em gái là Nguyễn Thị A ở tổ dân phố 8, thị trấn R, huyện N với giá 700.000 đồng và dùng số tiền này chi tiêu cá nhân hết.

Tại kết luận số 41/HĐ-ĐGTS ngày 14/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận: Một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7, vỏ màu vàng, đã qua sử dụng có giá trị 1.500.000 đồng. Một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia Lumia 630, vỏ màu đen, đã qua sử dụng có giá trị 300.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 1.800.000 đồng.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Nguyễn Xuân L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 56/CT-VKS ngày 31/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Nguyễn Xuân L về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1

Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên toà hôm nay Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo như tội danh và điều luật đã nêu. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt Nguyễn Xuân L từ 12 (Mười hai) tháng đến 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 700.000đ đối với bị cáo L; đề nghị áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay qua xét hỏi và tranh luận bị cáo Nguyễn Xuân L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người bị hại, người làm chứng không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu đã được xác lập có trong hồ sơ vụ án cũng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo ra trước phiên toà hôm nay. Như vậy đã đủ cơ sở xác định: Bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia Lumia 630 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 của anh Phạm Ngọc K. Tổng trị giá tài sản mà bị cáo trộm cắp là 1.800.000 đồng.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản quy định: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;”.

Mặc dù tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt trị giá dưới 2.000.000 đồng, bị cáo đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích mà còn tiếp tục phạm tội. Như vậy, đối chiếu với quy định của Bộ luật hình sự thấy đủ cơ sở kết luận bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi bị cáo đã thực hiện xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội trong khu vực, làm ảnh hưởng đến nếp sống văn hoá của dân tộc, gây nên dư luận xấu trong nhân dân ở khu vực. Vì vậy việc đưa bị cáo ra xét xử công khai, lên án xử lý nghiêm minh là cần thiết nhằm góp phần vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy: Bị cáo là người có nhân thân xấu: Ngày 28/8/2014, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định xử phạt 7 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Ngày 06/5/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông xử phạt 01 năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Do tiền án của bị cáo đã là cơ sở định tội nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Xét việc Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là không chính xác. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là người có điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng của vụ án: Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7, vỏ màu vàng, vỏ mặt sau của chiếc điện thoại có in số: “2016”, đã qua sử dụng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã thu giữ của chị Nguyễn Thị A và trả lại cho anh K là chủ sở hữu là phù hợp.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia Lumia 630, vỏ màu đen, bị vỡ một góc phía trên bên phải màn hình và 02 sim điện thoại có số thuê bao là 01678.236.118 và 01679.283.856, Nguyễn Xuân L đã ném xuống sông ở gần nhà thuộc khu vực tổ dân phố 6, thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy.

Đối với số tiền 700.000 đồng là tiền Nguyễn Xuân L thu lợi bất chính do bán điện thoại cho chị Nguyễn Thị A và chị A không yêu cầu bồi thường lại, cần truy thu sung quỹ nhà nước.

[8] Chị Nguyễn Thị A là người mua chiếc điện thoại của L nhưng không biết đó là tài sản do L trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không xử lý theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[9] Bị cáo Nguyễn Xuân L phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[10] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là tương đối phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

[1]. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân L phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

[2]. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân L 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/9/2018.

[3]. Truy thu sung quỹ nhà nước đối với bị cáo Nguyễn Xuân L số tiền 700.000 đồng là tiền bị cáo hưởng lợi bất chính.

[4]. Buộc bị cáo Nguyễn Xuân L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai có mặt bị cáo; vắng mặt người bị hại. Báo cho người có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án và người được thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKS nhân dân Tỉnh + huyện;
- Công an huyện;
- Cơ quan Thi hành án;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- UBND TT. R;
- Án văn + lưu hồ sơ;
- Thi hành án phạt tù.

(đã ký)

Phạm Hùng Phương